

Tháng 02/2025

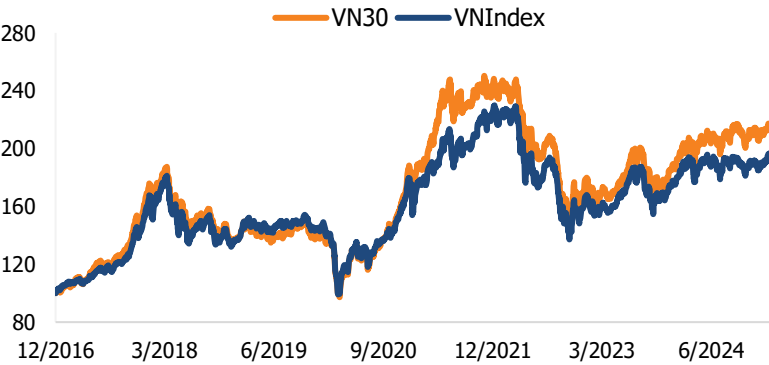
| Thông tin chung                |                                                                                 |
|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| Tên quỹ                        | Quỹ ETF MAFM VN30                                                               |
| Chỉ số tham chiếu/Loại tiền tệ | VN30 / VNĐ                                                                      |
| Mã giao dịch                   | FUEMAV30                                                                        |
| Sàn giao dịch                  | HOSE                                                                            |
| Lô chứng chỉ quỹ ETF           | 1 lô ETF = 100.000 CCQ (giao dịch sơ cấp);<br>100 CCQ (giao dịch thứ cấp)       |
| Số lượng đăng ký tối thiểu     | 01 (một) lô chứng chỉ Quỹ ETF MAFM VN30                                         |
| Thành viên lập quỹ (APs)       | MAS, HSC, BVSC, BSC, KIS, Vietcap                                               |
| Ngân hàng giám sát             | Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam                                             |
| Đại lý chuyển nhượng           | Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)                                     |
| Giá dịch vụ quản lý            | 0,6% NAV/năm                                                                    |
| Giá dịch vụ hoán đổi mua       | 0%                                                                              |
| Giá dịch vụ hoán đổi bán       | Miễn phí cho Thành viên lập quỹ<br>0,1% giá trị bán lại cho các Nhà đầu tư khác |

| Giá trị tài sản ròng (NAV) |            |
|----------------------------|------------|
| Ngày định giá              | 28/02/2025 |
| Giá trị tài sản ròng (VNĐ) | 783,7 tỷ   |
| NAV/CCQ (VNĐ)              | 16.259,77  |

Mục tiêu & chiến lược đầu tư

- Mục tiêu của Quỹ ETF MAFM VN30 là mô phỏng gần nhất có thể biến động của chỉ số VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá (price index) do HOSE xây dựng và quản lý.
- Quỹ ETF MAFM VN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 có sự thay đổi thì Quỹ ETF MAFM VN30 sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản.

Biến Động Chỉ Số VN30 vs VN-Index



|          | 2017  | 2018   | 2019 | 2020  | 2021  | 2022   | 2023  | 2024   | YTD   |
|----------|-------|--------|------|-------|-------|--------|-------|--------|-------|
| VN30     | 55,3% | -12,4% | 2,8% | 21,8% | 43,4% | -34,6% | 12,5% | 18,85% | 0,87% |
| VN-Index | 48,0% | -9,3%  | 7,7% | 14,9% | 35,7% | -32,8% | 12,2% | 12,11% | 3,05% |

\* Nguồn: MAFM. Số liệu tại ngày cuối tháng 02/2025

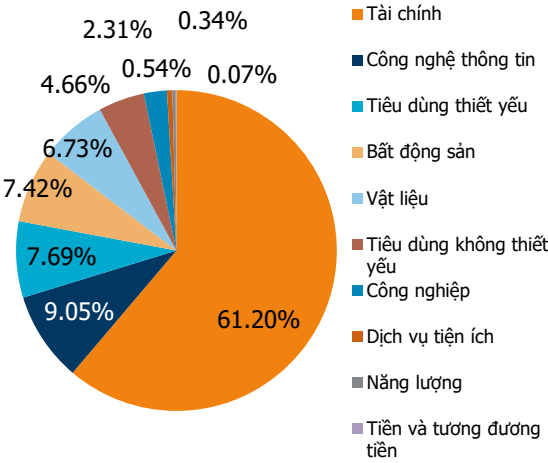
Lợi thế của Quỹ MAFM VN30 ETF

- Tiềm năng tăng trưởng cao: Quỹ là kênh giúp cho các nhà đầu tư tiếp cận cơ hội đầu tư với tiềm năng tăng trưởng cao thông qua các doanh nghiệp hàng đầu đối với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.
- Đa dạng hóa: Chỉ số VN30 bao gồm 30 cổ phiếu vốn hóa lớn nhất và có tính thanh khoản cao nhất thị trường chứng khoán Việt Nam, được giao dịch trên HOSE và thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.
- Tính hiệu quả: Trong một giao dịch duy nhất, quỹ ETF mang lại cơ hội đầu tư một rổ cổ phiếu gồm 30 chứng khoán có vốn hóa lớn của Việt Nam.
- Phí giao dịch thấp: Mức phí quản lý và các loại phí vận hành khác của Quỹ ETF MAFM VN30 là rất cạnh tranh so với các quỹ ETF niêm yết khác tại Việt Nam đang mô phỏng chỉ số VN30.

Danh mục đầu tư tại ngày 28/02/2025

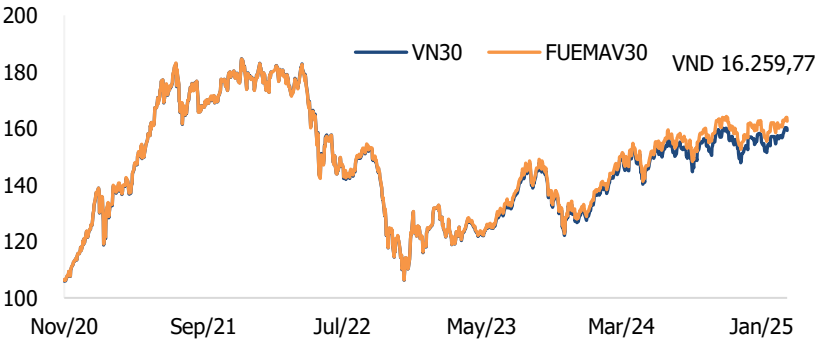
| Top 10 cổ phiếu | Ngành                     | % NAV |
|-----------------|---------------------------|-------|
| FPT             | Công nghệ thông tin       | 9,1%  |
| TCB             | Tài chính                 | 8,2%  |
| ACB             | Tài chính                 | 7,1%  |
| LPB             | Tài chính                 | 6,9%  |
| HPG             | Vật liệu                  | 6,7%  |
| VPB             | Tài chính                 | 5,7%  |
| MBB             | Tài chính                 | 5,3%  |
| STB             | Tài chính                 | 4,9%  |
| MWG             | Tiêu dùng không thiết yếu | 4,7%  |
| HDB             | Tài chính                 | 4,1%  |

Phân bổ tài sản theo ngành (%NAV)



\* Theo GICS

Hiệu suất đầu tư



| Chỉ số VN30                  |           |
|------------------------------|-----------|
| Vốn hóa thị trường (tỷ đồng) | 3.785.822 |
| Hệ số P/E (x)                | 10,10     |
| Hệ số P/B (x)                | 1,57      |
| Hệ số ROE (%)                | 15,46     |
| Lợi tức cổ phiếu (%)         | 1,87      |

|               | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng | Từ đầu năm | 1 năm | 2 năm  | Từ khi thành lập |
|---------------|---------|---------|---------|------------|-------|--------|------------------|
| MAFM VN30 ETF | 1,33%   | 3,34%   | 1,85%   | 0,71%      | 8,39% | 36,28% | 62,60%           |
| VN30          | 1,41%   | 3,44%   | 1,87%   | 0,87%      | 7,16% | 33,64% | 59,29%           |

\* Nguồn: MAFM, Hiệu suất đầu tư tính từ kết thúc đăng ký góp vốn 21/09/2020.

\* Hiệu suất trong quá khứ không hàm ý đảm bảo hiệu suất trong tương lai.

\* Chỉ số tham chiếu của Quỹ là VN30.

Tài liệu này được phát hành bởi Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) và không cấu thành hoặc được sử dụng làm một phần của bất kỳ lời chào mời hay cam kết nào. Thông tin trong tài liệu này được tổng hợp từ các nguồn đáng tin cậy, tuy nhiên chúng tôi không cam kết đảm bảo tính chính xác, cập nhật và đầy đủ của những thông tin và ý kiến nêu ra tại đây. Do đó, trong mọi trường hợp, tài liệu này sẽ không được sử dụng làm bằng chứng trách nhiệm pháp lý cho kết quả đầu tư của Quý khách hàng.